SAO Y; ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KON BRAIH; 27/08/2025; 16:19:24; +07:00

ĐẢNG UỶ XÃ KON BRAIH **TỔ THẨM ĐỊNH THEO** **QUYẾT ĐỊNH SỐ 39-QĐ/ĐU**	**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**
Số: 02/BC-TTĐ	*Kon Braih, ngày 27 tháng 08 năm 2025*

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định dự toán kinh phí nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ *(nghỉ từ ngày 31/8/2025 và 01/9/2025)*

Kính gửi:

- Ban Thường vụ Đảng uỷ xã Kon Braih;
- UBND xã Kon Braih.

Căn cứ Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Căn cứ Thông tư 01/2025/TT-BNV ngày 17/1/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị;

Căn cứ Thông tư 02/2025/TT-BNV ngày 04/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2025/TT-BNV ngày 17/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị[1].

Căn cứ Văn bản số 1059/STC-HCSN ngày 13/8/2025 của Sở Tài chính về việc gửi hồ sơ và lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách, chế độ nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 39-QĐ/ĐU ngày 01/8/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy về việc thành lập Tổ thẩm định dự toán kinh phí đề nghị nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ *(gọi tắt là Tổ thẩm định)*;

---

[1] Khoản 4 Điều 1 quy định: "Đối với nữ cán bộ, công chức cấp xã nghỉ từ ngày 01/01/2025 trở đi và những người nghỉ từ ngày Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2025 thì mức trợ cấp được tính như sau: 15 năm đầu công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp 04 tháng tiền lương hiện hưởng; đối với số năm còn lại (từ năm thứ 16 trở đi), mỗi năm được trợ cấp bằng 0,5 tháng tiền lương hiện hưởng."

Căn cứ các Quyết định phê duyệt danh sách nghỉ hưu trước tuổi và nghỉ thôi việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ, cụ thể: *Quyết định số 248-QĐ/TU ngày 24/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về việc phê duyệt danh sách công chức nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc năm 2025 và hưởng chế độ, chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ tại Đảng ủy xã Kon Braih; Quyết định số 906/QĐ-UBND ngày 26/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt danh sách đối tượng nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ (nghỉ từ ngày 01/9/2025);*

Căn cứ các Quyết định số: 51-QĐ/ĐU, 52-QĐ/ĐU ngày 25/08/2025 của BTV Đảng uỷ xã Kon Braih về việc nghỉ hưu trước tuổi và hưởng chế độ, chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ;

Căn cứ các QĐ số: 92/QĐ-UBND, 93/QĐ-UBND ngày 27/08/2025 của Chủ tịch UBND xã Kon Braih về việc giải quyết nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ;

Vào lúc 15 giờ 00 phút, ngày 27/8/2025, tại Phòng họp tầng 2 trụ sở HĐND&UBND xã, **Tổ thẩm định** tổ đã tổ chức họp thẩm định dự toán kinh phí đề nghị nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ đối với các trường hợp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nghỉ từ ngày 31/8/2025 và ngày 01/9/2025, kết quả cụ thể của 04 trường hợp nghỉ hưu trước tuổi, như sau:

1. Tổ thẩm định: tiến hành rà soát, kiểm tra thông tin và đối chiếu số kinh phí thực hiện chính sách, chế độ của 04 trường hợp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ tại các Quyết định:

Quyết định số 248-QĐ/TU ngày 24/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về việc phê duyệt danh sách công chức nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc năm 2025 và hưởng chế độ, chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ tại Đảng ủy xã Kon Braih.

Quyết định số 906/QĐ-UBND ngày 26/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt danh sách đối tượng nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ (nghỉ từ ngày 01/9/2025);

Quyết định số: 51-QĐ/ĐU, 52-QĐ/ĐU ngày 25/08/2025 của BTV Đảng uỷ xã Kon Braih về việc nghỉ hưu trước tuổi và hưởng chế độ, chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ;

Căn cứ các QĐ số: 92/QĐ-UBND, 93/QĐ-UBND ngày 27/08/2025 của Chủ tịch UBND xã Kon Braih về việc giải quyết nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ;

Qua kiểm tra hồ sơ của các trường hợp được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các thông tin *(tuổi nghỉ hưu đúng tuổi theo quy định; tuổi nghỉ hưu trước tuổi; thời gian nghỉ sớm so với tuổi nghỉ hưu theo quy định; số năm đóng bảo hiểm xã hội theo sổ bảo hiểm xã hội; hệ số lương theo ngạch bậc chức vụ chức danh hiện hưởng, hệ số các loại phụ cấp theo lương của tiền lương tháng hiện hưởng; Tổng số kinh phí thực hiện chính sách)* đảm bảo đúng theo quy định.

Tổng kinh phí thực hiện chính sách cho 04 trường hợp nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ là: 4.504.734.000 đồng *(Bốn tỷ, năm trăm lẻ bốn triệu, bảy trăm ba mươi tư ngàn đồng).*

(Có biên bản thẩm định cụ thể 04 trường hợp nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ kèm theo)

2. Đề xuất, kiến nghị: Để đảm bảo kinh phí chi trả chính sách, chế độ cho của các đối tượng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ, Tổ thẩm định thống nhất đề xuất UBND Kon Braih xã lập Tờ trình đề nghị UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh hỗ trợ kinh phí **4.504.734.000 đồng** *(Bốn tỷ, năm trăm lẻ bốn triệu, bảy trăm ba mươi tư ngàn đồng)* để thực hiện chính sách trên.

Tổ thẩm định báo cáo kết quả thẩm định cụ thể của 04 trường hợp nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ để Ban Thường vụ Đảng uỷ xã, UBND xã Kon Braih biết, chỉ đạo./.

Nơi nhận:
- Như trên (biết, chỉ đạo);
- Lưu.

TỔ TRƯỞNG

Nguyễn Xuân Trung

ĐẢNG UỶ XÃ KON BRAIH **TỔ THẨM ĐỊNH THEO** **QUYẾT ĐỊNH SỐ 39-QĐ/ĐU**	**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**
Số: 02/BB-TTĐ	*Kon Braih, ngày 27 tháng 08 năm 2025*

BIÊN BẢN

Họp thẩm định dự toán kinh phí nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ

(nghỉ từ ngày 31/8/2025 và 01/9/2025)

Căn cứ Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Căn cứ Thông tư 01/2025/TT-BNV ngày 17/1/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị;

Căn cứ Thông tư 02/2025/TT-BNV ngày 04/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2025/TT-BNV ngày 17/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị[(1)].

Căn cứ Văn bản số 1059/STC-HCSN ngày 13/8/2025 của Sở Tài chính về việc gửi hồ sơ và lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách, chế độ nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 39-QĐ/ĐU ngày 01/8/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy về việc thành lập Tổ thẩm định dự toán kinh phí đề nghị nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ *(gọi tắt là Tổ thẩm định)*.

[(1)] Khoản 4 Điều 1 quy định: "Đối với nữ cán bộ, công chức cấp xã nghỉ từ ngày 01/01/2025 trở đi và những người nghỉ từ ngày Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2025 thì mức trợ cấp được tính như sau: 15 năm đầu công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp 04 tháng tiền lương hiện hưởng; đối với số năm còn lại (từ năm thứ 16 trở đi), mỗi năm được trợ cấp bằng 0,5 tháng tiền lương hiện hưởng."

Căn cứ các Quyết định phê duyệt danh sách nghỉ hưu trước tuổi và nghỉ thôi việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ, cụ thể: *Quyết định số 248-QĐ/TU ngày 24/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về việc phê duyệt danh sách công chức nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc năm 2025 và hưởng chế độ, chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ tại Đảng ủy xã Kon Braih; Quyết định số 906/QĐ-UBND ngày 26/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt danh sách đối tượng nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ (nghỉ từ ngày 01/9/2025);*

Căn cứ các Quyết định số: 51-QĐ/ĐU, 52-QĐ/ĐU ngày 25/08/2025 của BTV Đảng uỷ xã Kon Braih về việc nghỉ hưu trước tuổi và hưởng chế độ, chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ;

Căn cứ các QĐ số: 92/QĐ-UBND, 93/QĐ-UBND ngày 27/08/2025 của Chủ tịch UBND xã Kon Braih về việc giải quyết nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ;

Hôm nay, vào lúc 15 giờ 00 phút ngày 27/8/2025, tại Phòng họp tầng 2 trụ sở HĐND&UBND xã, Tổ thẩm định tổ chức cuộc họp thẩm định dự toán kinh phí đề nghị nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ đối với các trường hợp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nghỉ từ ngày 31/8/2025), cụ thể:

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ CUỘC HỌP:

1. Tổ trưởng: Đồng chí Nguyễn Xuân Trung, Ủy viên BTV, Phó Chủ tịch UBND xã

2. Tổ phó: Đồng chí Nguyễn Thị Hòa, Ủy viên BTV, Trưởng Ban xây dựng Đảng.

3. Các tổ viên:

+ Đồng chí Huỳnh Quốc Thái, Ủy biên BTV, Chánh Văn phòng Đảng ủy xã.

+ Đồng chí Nguyễn Thị Kim Luận, Phó Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy xã.

+ Đồng chí Đặng Đình Hữu, Phó Chủ tịch UB MTTQ VN xã.

+ Đồng chí Nguyễn Hùng, Chánh Văn phòng HĐND&UBND xã.

+ Đồng chí Đỗ Dũng Sỹ, Trưởng Phòng Kinh tế.

+ Đồng chí Nguyễn Thị Bích Phượng, Trưởng Phòng Văn hóa - Xã hội.

+ Đồng chí Trần Thị Xuân, Phó Giám đốc Trung tâm phục vụ Hành chính công.

+ Đồng chí Cao Nam, Phó Trưởng Công an xã.

+ Đồng chí Phạm Thị Thùy Vân, Chuyên viên Phòng Kinh tế kiêm Thư ký.

+ Kế toán các cơ quan, đơn vị có các trường hợp đề nghị nghỉ hưu trước tuổi đã được phê duyệt *(Bao gồm các đơn vị: Văn phòng Đảng uỷ xã, Văn phòng HĐND&UBND xã)*.

+ Mời: Đồng chí Đặng Anh Tuấn, Phó Giám đốc QLĐH BHXH cơ sở Kon Rẫy tham gia với tư cách là Tổ viên.

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP:

Tổ thẩm định tiến hành rà soát, kiểm tra thông tin và số kinh phí thực hiện chính sách, chế độ của các đối tượng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nghỉ hưu trước tuổi và nghỉ thôi việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ tại các Quyết định: *Quyết định số 248-QĐ/TU ngày 24/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về việc phê duyệt danh sách công chức nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc năm 2025 và hưởng chế độ, chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ tại Đảng ủy xã Kon Braih; Quyết định số 906/QĐ-UBND ngày 26/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt danh sách đối tượng nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ (nghỉ từ ngày 01/9/2025);*

Qua kiểm tra hồ sơ của các trường hợp được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các thông tin *(tuổi nghỉ hưu đúng tuổi theo quy định; tuổi nghỉ hưu trước tuổi; thời gian nghỉ sớm so với tuổi nghỉ hưu theo quy định; số năm đóng bảo hiểm xã hội theo sổ bảo hiểm xã hội; hệ số lương theo ngạch bậc chức vụ chức danh hiện hưởng, hệ số các loại phụ cấp theo lương của tiền lương tháng hiện hưởng; Tổng số kinh phí thực hiện chính sách)* đảm bảo đúng theo quy định, từng trường hợp cụ thể:

*** NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI**

1. Đ/c Lã Đức Hạnh

- Ngày sinh: 28/4/1971
- Ngày bắt đầu đóng bảo hiểm: 9/1995
- Ngày nghỉ hưu trước tuổi: 31/08/2025
- Tuổi nghỉ hưu đúng tuổi theo quy định: 62 năm
- Tuổi nghỉ hưu trước tuổi: 54 năm 4 tháng

- Thời gian nghỉ sớm so với tuổi nghỉ hưu theo quy định: 7 năm 8 tháng

- Số năm đóng bảo hiểm xã hội theo sổ bảo hiểm xã hội: 30 năm

- Hệ số lương theo ngạch bậc chức vụ chức danh hiện hưởng 5,42; Phụ cấp chức vụ 0,3; Phụ cấp công vụ 25%.

- Đ/c Lã Đức Hạnh không thuộc đối tượng quy định tại Điều 4 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP của Chính phủ[(2)].

- Tổng kinh phí thực hiện chính sách nghỉ hưu trước tuổi: 1.631.272.500 đồng.

2. Đ/c Nông Trung Thao

- Ngày sinh: 20/8/1970

- Ngày bắt đầu đóng bảo hiểm: 9/2006

- Ngày nghỉ hưu trước tuổi: 31/08/2025

- Tuổi nghỉ hưu đúng tuổi theo quy định: 62 năm

- Tuổi nghỉ hưu trước tuổi: 55 năm

- Thời gian nghỉ sớm so với tuổi nghỉ hưu theo quy định: 7 năm

- Số năm đóng bảo hiểm xã hội theo sổ bảo hiểm xã hội: 19 năm

- Hệ số lương theo ngạch bậc chức vụ chức danh hiện hưởng 3; Phụ cấp chức vụ 0,25; Phụ cấp công vụ 25%.

- Đ/c Nông Trung Thao không thuộc đối tượng quy định tại Điều 4 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

- Tổng kinh phí thực hiện chính sách nghỉ hưu trước tuổi: 836.550.000 đồng.

3. Đ/c Đinh Hồng Bảo

- Ngày sinh: 25/12/1972

- Ngày bắt đầu đóng bảo hiểm: 01/2000

- Ngày nghỉ hưu trước tuổi: 01/9/2025

- Tuổi nghỉ hưu đúng tuổi theo quy định: 62 năm

- Tuổi nghỉ hưu trước tuổi: 52 năm 8 tháng

[(2)] **Điều 4. Các trường hợp chưa xem xét nghỉ việc**

1. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này là nữ đang trong thời gian mang thai, nghỉ thai sản, đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, trừ trường hợp cá nhân tự nguyện nghỉ việc.

2. Những người đang trong thời gian xem xét kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị thanh tra, kiểm tra do có dấu hiệu vi phạm.

- Thời gian nghỉ sớm so với tuổi nghỉ hưu theo quy định: 9 năm 4 tháng

- Số năm đóng bảo hiểm xã hội theo sổ bảo hiểm xã hội: 25 năm 8 tháng

- Hệ số lương theo ngạch bậc chức vụ chức danh hiện hưởng 4,32; Phụ cấp chức vụ 0,2; Phụ cấp công vụ 25%.

- Đ/c Đinh Hồng Bảo không thuộc đối tượng quy định tại Điều 4 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

- Tổng kinh phí thực hiện chính sách nghỉ hưu trước tuổi: 1.341.931.500 đồng.

3. Đ/c Đoàn Thiếu Hùng

- Ngày sinh: 07/4/1966

- Ngày bắt đầu đóng bảo hiểm: 12/2002

- Ngày nghỉ hưu trước tuổi: 01/9/2025

- Tuổi nghỉ hưu đúng tuổi theo quy định: 62 năm

- Tuổi nghỉ hưu trước tuổi: 59 năm 4 tháng

- Thời gian nghỉ sớm so với tuổi nghỉ hưu theo quy định: 2 năm 8 tháng

- Số năm đóng bảo hiểm xã hội theo sổ bảo hiểm xã hội: 22 năm 9 tháng

- Hệ số lương theo ngạch bậc chức vụ chức danh hiện hưởng 4,32; Phụ cấp công vụ 25%.

- Đ/c Đoàn Thiếu Hùng không thuộc đối tượng quy định tại Điều 4 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

- Tổng kinh phí thực hiện chính sách nghỉ hưu trước tuổi: 694.980.000 đồng.

*** Tổng kinh phí thực hiện chính sách cho 04 trường hợp là 4.504.734.000 đồng.**

(chi tiết theo các Phụ lục kèm theo).

Để đảm bảo kinh phí chi trả chính sách, chế độ cho của các đối tượng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nghỉ hưu trước tuổi và nghỉ thôi việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ tại *Quyết định số 248-QĐ/TU ngày 24/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ và Quyết định số 906/QĐ-UBND ngày 26/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh*, Tổ thẩm định thống nhất đề xuất UBND xã lập Tờ trình đề nghị Sở Tài chính hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách trên.

Biên bản kết thúc vào lúc 17 giờ 00 phút cùng ngày, đã được thông qua và các thành viên Tổ thẩm định thống nhất ký tên./.

TỔ PHÓ

Nguyễn Thị Hòa
Uỷ viên BTV, Trưởng Ban xây dựng Đảng

TỔ TRƯỞNG

Nguyễn Xuân Trung
Uỷ viên BTV, Phó Chủ tịch UBND xã

Tổ viên

Huỳnh Quốc Thái
Uỷ viên BTV, Chánh văn phòng Đảng uỷ xã

Tổ viên

Nguyễn Thị Kim Luận
Phó Chủ nhiệm UBKT Đảng uỷ xã

Tổ viên

Đặng Đình Hữu
Phó Chủ tịch UB MTTQ VN xã

Tổ viên

Nguyễn Hùng
Chánh Văn phòng HĐND&UBND xã

Tổ viên

Đỗ Dũng Sỹ
Trưởng Phòng Kinh tế xã

Tổ viên

Nguyễn Thị Bích Phượng
Trưởng Phòng Văn hoá – Xã hội xã

Tổ viên

Trần Thị Xuân
Phó Giám đốc Trung tâm phục vụ Hành chính công

Tổ viên

Cao Nam
Phó Trưởng Công an xã

Tổ viên kiêm Thư ký

Phạm Thị Thùy Vân
Chuyên viên Phòng Kinh tế xã

Tổ viên

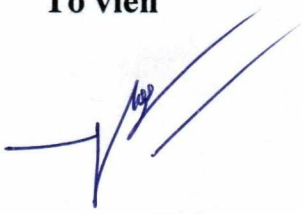

Phan Kim Việt
Kế toán VP Đảng uỷ xã

Tổ viên

Phan Thị Huế
Kế toán VP HĐND&UBND xã

Tổ viên

Đặng Anh Tuấn
Phó Giám đốc QLĐH BHXH cơ sở Kon Rẫy

BIỂU TỔNG HỢP

Kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ

(Kèm theo Biên bản họp ngày 27/8/2025 của Tổ thẩm định)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo (Đại học/Cao đẳng/Trung cấp)	Chức vụ/chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Đơn vị công tác	Tiền lương tháng hiện hưởng (ĐVT: đồng)	Số năm đóng BHXH bắt buộc theo sổ BHXH	Tuổi khi giải quyết chính sách	Thời điểm nghỉ	Số năm nghỉ hưu trước tuổi	Được hưởng chính sách		Tổng dự toán kinh phí để thực hiện chính sách (ĐVT: đồng)	Trong đó		Ghi chú
											Nghỉ hưu trước tuổi	Nghỉ thôi việc		Nguồn cải cách tiền lương của tỉnh (ĐVT: Đồng)	Nguồn cải cách tiền lương của xã (ĐVT: Đồng)	
A	B	1		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I	**VP Đảng uỷ**												**2.467.822.500**	**2.467.822.500**		
1	Lã Đức Hạnh	28/4/1971	Đại học	Chuyên viên Ban Xây dựng Đảng xã Kon Braih (Nguyên Huyện uỷ viên, Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch HĐND xã Tân Lập, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum (cũ))	UBND xã Kon Braih	16.731.000	30 năm	54 năm 4 tháng	31/8/2025	7 năm 8 tháng	x		1.631.272.500	1.631.272.500		
2	Nông Trung Thao	20/8/1970	Đại học	Chuyên viên Ban Xây dựng Đảng xã Kon Braih Nguyên Phó Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã Đăk Ruồng, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum (cũ))	UBND xã Kon Braih	9.506.250	19 năm	55 năm	31/8/2025	7 năm	x		836.550.000	836.550.000		
II	**Văn phòng HĐND-UBND xã**												**2.036.911.500**	**2.036.911.500**		
3	Đinh Hồng Bảo	25/12/1972	Đại học	Chuyên viên VP HĐND&UBND xã Kon Braih (nguyên Phó Ban Dân tộc HĐND huyện Kon Rẫy)	UBND xã Kon Braih	13.221.000	25 năm 8 tháng	52 năm 8 tháng	01/9/2025	9 năm 4 tháng	x		1.341.931.500	1.341.931.500		
4	Đoàn Thiếu Hùng	07/4/1966	Đại học	Chuyên viên VP HĐND&UBND xã Kon Braih	UBND xã Kon Braih	12.636.000	22 năm 9 tháng	59 năm 4 tháng	01/9/2025	2 năm 8 tháng	x		694.980.000	694.980.000		
TỔNG KINH PHÍ CHI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH													**4.504.734.000**	**4.504.734.000**		

BẢNG TÍNH HỆ SỐ LƯƠNG CÁC KHOẢN PHỤ CẤP ĐÓNG GÓP THÁNG LIỀN KỀ TRƯỚC KHI NGHỈ VIỆC

(Kèm theo Biên bản họp ngày 27/8/2025 của Tổ thẩm định)

STT	Họ và tên	HỆ SỐ LƯƠNG CÁC KHOẢN PHỤ CẤP ĐÓNG GÓP THÁNG LIỀN KỀ TRƯỚC KHI NGHỈ VIỆC										Lương
		Tổng số	Hệ số lương theo ngạch, bậc, chức vụ, chức danh, chức danh nghề nghiệp hiện hưởng	Tổng hệ số các khoản phụ cấp	Trong đó							
					Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung	Phụ cấp thâm niên nghề	Phụ cấp ưu đãi theo nghề	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề	Phụ cấp công vụ	Phụ cấp công tác đảng, đoàn thể chính trị - xã hội	
1	Lã Đức Hạnh	7,15	5,42	1,73	0,30					1,43		16.731.000
2	Nông Trung Thao	4,06	3,00	1,06	0,25					0,81		9.506.250
3	Đinh Hồng Bảo	5,65	4,32	1,33	0,2					1,13		13.221.000
4	Đoàn Thiếu Hùng	5,40	4,32	1,08						1,08		12.636.000

BẢNG TÍNH KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH THEO NGHỊ ĐỊNH 178/2024/NĐ-CP VÀ NGHỊ ĐỊNH 67/2025/NĐ-CP

Họ và tên: Lã Đức Hạnh

Chức vụ, đơn vị công tác: Chuyên viên Ban Xây dựng Đảng xã Kon Braih (Nguyên Huyện uỷ viên, Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch HĐND xã Tân Lập, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum (cũ))

Chính sách TGBC được hưởng: **nghỉ hưu trước tuổi**

Ngày sinh:	28/4/1971							
Ngày bắt đầu đóng BHXH:	9/1995							
Ngày tinh giản:	31/8/2025							
Tuổi nghỉ:	54	Năm	4	Tháng				
Tuổi nghỉ hưu theo quy định	62	Năm		Tháng	PL I NĐ 135/2020			
Nghỉ trước:	7	Năm	8	Tháng	Số tháng nghỉ trước	92	tháng	
Thời gian tham gia đóng BHXH:	30	Năm		Tháng				
	=	15 năm +	15	Năm	Tháng			
	≈	15 năm +	15	Năm				

Lương hiện hưởng 16.731.000 đồng

	1. Trợ cấp hưu trí 01 lần cho thời gian nghỉ sớm:	**903.474.000**
	a. Nghỉ trong thời hạn 12 tháng đầu tiên kể từ khi có quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền	**903.474.000**
	- Có tuổi đời từ đủ 05 năm trở xuống đến tuổi nghỉ hưu: 01 tháng lương hiện hưởng x số tháng nghỉ sớm so với thời điểm nghỉ hưu	
	- Có tuổi đời còn trên 05 năm đến đủ 10 năm đến tuổi nghỉ hưu: 0,9 tháng tiền lương hiện hưởng nhân với 60 tháng	903.474.000
	- Có tuổi đời còn dưới 02 năm đến tuổi nghỉ hưu: 01 tháng lương hiện hưởng x số tháng nghỉ sớm so với thời điểm nghỉ hưu	
	b. Nghỉ từ tháng thứ 13 trở đi kể từ khi có quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền (hưởng bằng 0,5 mức trợ cấp tại điểm a khoản 1)	
	2. Hưởng chính sách nghỉ hưu trước tuổi theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc và số năm nghỉ sớm:	**727.798.500**
	a. Có tuổi đời còn từ đủ 02 năm đến đủ 05 năm đến tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP và có đủ thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc để được hưởng lương hưu	
	- Trợ cấp 05 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP	
	- Trợ cấp 04 tháng tiền lương hiện hưởng cho 15 năm đầu công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc	
	- Từ năm thứ 16 trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp 0,5 tháng tiền lương hiện hưởng	
	b. Có tuổi đời còn trên 05 năm đến đủ 10 năm đến tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP và có đủ thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc để được hưởng lương hưu theo quy định	**727.798.500**
	- Trợ cấp 04 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP	535.392.000
	- Trợ cấp 04 tháng tiền lương hiện hưởng cho 15 năm đầu công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc	66.924.000
	- Từ năm thứ 16 trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp 0,5 tháng	125.482.500
	c. Có tuổi đời còn từ đủ 02 năm đến đủ 05 năm đến tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP và có đủ thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc để được hưởng lương hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, trong đó có đủ 15 năm trở lên làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	
	- Trợ cấp 05 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP	
	- Trợ cấp 04 tháng tiền lương hiện hưởng cho 15 năm đầu công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc	
	- Từ năm thứ 16 trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp 0,5 tháng tiền lương hiện hưởng	
	Tổng trợ cấp:	**1.631.272.500**

BẢNG TÍNH KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH
THEO NGHỊ ĐỊNH 178/2024/NĐ-CP VÀ NGHỊ ĐỊNH 67/2025/NĐ-CP

Họ và tên: Nông Trung Thao

Chức vụ, đơn vị công tác: Chuyên viên Ban Xây dựng Đảng xã Kon Braih Nguyên Phó Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã Đăk Ruồng, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum (cũ))

Chính sách TGBC được hưởng: **nghỉ hưu trước tuổi**

Ngày sinh:	20/8/1970						
Ngày bắt đầu đóng BHXH:	9/2006						
Ngày tinh giản:	31/8/2025						
Tuổi nghỉ:	55	Năm		Tháng			
Tuổi nghỉ hưu theo quy định	62	Năm		Tháng	PL I NĐ 135/2020		
Nghỉ trước:	**7**	Năm		Tháng	Số tháng nghỉ trước	84	tháng
Thời gian tham gia đóng BHXH:	19	Năm		Tháng			
	=	**15 năm +**	4	Năm	Tháng		
	≈	**15 năm +**	**4**	Năm			

Lương hiện hưởng 9.506.250 đồng

	1. Trợ cấp hưu trí 01 lần cho thời gian nghỉ sớm:	**513.337.500**
	a. Nghỉ trong thời hạn 12 tháng đầu tiên kể từ khi có quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền	**513.337.500**
	- Có tuổi đời từ đủ 05 năm trở xuống đến tuổi nghỉ hưu: 01 tháng lương hiện hưởng x số tháng nghỉ sớm so với thời điểm nghỉ hưu	
	- Có tuổi đời còn trên 05 năm đến đủ 10 năm đến tuổi nghỉ hưu: 0,9 tháng tiền lương hiện hưởng nhân với 60 tháng	513.337.500
	- Có tuổi đời còn dưới 02 năm đến tuổi nghỉ hưu: 01 tháng lương hiện hưởng x số tháng nghỉ sớm so với thời điểm nghỉ hưu	
	b. Nghỉ từ tháng thứ 13 trở đi kể từ khi có quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền (hưởng bằng 0,5 mức trợ cấp tại điểm a khoản 1)	
	2. Hưởng chính sách nghỉ hưu trước tuổi theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc và số năm nghỉ sớm:	**323.212.500**
	a. Có tuổi đời còn từ đủ 02 năm đến đủ 05 năm đến tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP và có đủ thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc để được hưởng lương hưu	
	- Trợ cấp 05 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP	
	- Trợ cấp 04 tháng tiền lương hiện hưởng cho 15 năm đầu công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc	
	- Từ năm thứ 16 trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp 0,5 tháng tiền lương hiện hưởng	
	b. Có tuổi đời còn trên 05 năm đến đủ 10 năm đến tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP và có đủ thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc để được hưởng lương hưu theo quy định	**323.212.500**
	- Trợ cấp 04 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP	266.175.000
	- Trợ cấp 04 tháng tiền lương hiện hưởng cho 15 năm đầu công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc	38.025.000
	- Từ năm thứ 16 trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp 0,5 tháng	19.012.500
	c. Có tuổi đời còn từ đủ 02 năm đến đủ 05 năm đến tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP và có đủ thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc để được hưởng lương hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, trong đó có đủ 15 năm trở lên làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	
	- Trợ cấp 05 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP	
	- Trợ cấp 04 tháng tiền lương hiện hưởng cho 15 năm đầu công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc	
	- Từ năm thứ 16 trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp 0,5 tháng tiền lương hiện hưởng	
	Tổng trợ cấp:	**836.550.000**

BẢNG TÍNH KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH
THEO NGHỊ ĐỊNH 178/2024/NĐ-CP VÀ NGHỊ ĐỊNH 67/2025/NĐ-CP

Họ và tên: Đinh Hồng Bảo

Chức vụ, đơn vị công tác: Chuyên viên VP HĐND&UBND xã Kon Braih (nguyên Phó Ban Dân tộc HĐND huyện Kon Rẫy)

Chính sách TGBC được hưởng: **nghỉ hưu trước tuổi**

Ngày sinh:	25/12/1972							
Ngày bắt đầu đóng BHXH:	01/2000							
Ngày tinh giản:	01/9/2025							
Tuổi nghỉ:	52	Năm	**8**	Tháng				
Tuổi nghỉ hưu theo quy định	62	Năm		Tháng	PL I NĐ 135/2020			
Nghỉ trước:	**9**	Năm	**4**	Tháng	Số tháng nghỉ trước	112	tháng	
Thời gian tham gia đóng BHXH:	25	Năm	8	Tháng				
	= **15 năm +**	10	Năm	8	Tháng			
	≈ **15 năm +**	**11**	Năm					

Lương hiện hưởng 13.221.000 đồng

	1. Trợ cấp hưu trí 01 lần cho thời gian nghỉ sớm:	**713.934.000**
	a. Nghỉ trong thời hạn 12 tháng đầu tiên kể từ khi có quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền	**713.934.000**
	- Có tuổi đời từ đủ 05 năm trở xuống đến tuổi nghỉ hưu: 01 tháng lương hiện hưởng x số tháng nghỉ sớm so với thời điểm nghỉ hưu	
	- Có tuổi đời còn trên 05 năm đến đủ 10 năm đến tuổi nghỉ hưu: 0,9 tháng tiền lương hiện hưởng nhân với 60 tháng	713.934.000
	- Có tuổi đời còn dưới 02 năm đến tuổi nghỉ hưu: 01 tháng lương hiện hưởng x số tháng nghỉ sớm so với thời điểm nghỉ hưu	
	b. Nghỉ từ tháng thứ 13 trở đi kể từ khi có quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền (hưởng bằng 0,5 mức trợ cấp tại điểm a khoản 1)	
	2. Hưởng chính sách nghỉ hưu trước tuổi theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc và số năm nghỉ sớm:	**627.997.500**
	a. Có tuổi đời còn từ đủ 02 năm đến đủ 05 năm đến tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP và có đủ thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc để được hưởng lương hưu	
	- Trợ cấp 05 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP	
	- Trợ cấp 04 tháng tiền lương hiện hưởng cho 15 năm đầu công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc	
	- Từ năm thứ 16 trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp 0,5 tháng tiền lương hiện hưởng	
	b. Có tuổi đời còn trên 05 năm đến đủ 10 năm đến tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP và có đủ thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc để được hưởng lương hưu theo quy định	**627.997.500**
	- Trợ cấp 04 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP	502.398.000
	- Trợ cấp 04 tháng tiền lương hiện hưởng cho 15 năm đầu công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc	52.884.000
	- Từ năm thứ 16 trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp 0,5 tháng	72.715.500
	c. Có tuổi đời còn từ đủ 02 năm đến đủ 05 năm đến tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP và có đủ thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc để được hưởng lương hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, trong đó có đủ 15 năm trở lên làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	
	- Trợ cấp 05 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP	
	- Trợ cấp 04 tháng tiền lương hiện hưởng cho 15 năm đầu công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc	
	- Từ năm thứ 16 trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp 0,5 tháng tiền lương hiện hưởng	
	Tổng trợ cấp:	**1.341.931.500**

BẢNG TÍNH KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH
THEO NGHỊ ĐỊNH 178/2024/NĐ-CP VÀ NGHỊ ĐỊNH 67/2025/NĐ-CP

Họ và tên: Đoàn Thiếu Hùng
Chức vụ, đơn vị công tác: Chuyên viên VP HĐND&UBND xã Kon Braih
Chính sách TGBC được hưởng: **nghỉ hưu trước tuổi**

Ngày sinh:	07/4/1966						
Ngày bắt đầu đóng BHXH:	12/2002						
Ngày tinh giản:	01/9/2025						
Tuổi nghỉ:	59	Năm	**4**	Tháng			
Tuổi nghỉ hưu theo quy định	62	Năm		Tháng	PL I NĐ 135/2020		
Nghỉ trước:	**2**	Năm	**8**	Tháng	Số tháng nghỉ trước	32	tháng
Thời gian tham gia đóng BHXH:	22	Năm	9	Tháng			
	= **15 năm +**		7	Năm	9 Tháng		
	≈ **15 năm +**		**8**	Năm			

Lương hiện hưởng 12.636.000 đồng

	1. Trợ cấp hưu trí 01 lần cho thời gian nghỉ sớm:	**404.352.000**
	a. Nghỉ trong thời hạn 12 tháng đầu tiên kể từ khi có quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền	**404.352.000**
	- Có tuổi đời từ đủ 05 năm trở xuống đến tuổi nghỉ hưu: 01 tháng lương hiện hưởng x số tháng nghỉ sớm so với thời điểm nghỉ hưu	404.352.000
	- Có tuổi đời còn trên 05 năm đến đủ 10 năm đến tuổi nghỉ hưu: 0,9 tháng tiền lương hiện hưởng nhân với 60 tháng	
	- Có tuổi đời còn dưới 02 năm đến tuổi nghỉ hưu: 01 tháng lương hiện hưởng x số tháng nghỉ sớm so với thời điểm nghỉ hưu	
	b. Nghỉ từ tháng thứ 13 trở đi kể từ khi có quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền (hưởng bằng 0,5 mức trợ cấp tại điểm a khoản 1)	
	2. Hưởng chính sách nghỉ hưu trước tuổi theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc và số năm nghỉ sớm:	**290.628.000**
	a. Có tuổi đời còn từ đủ 02 năm đến đủ 05 năm đến tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP và có đủ thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc để được hưởng lương hưu	
	- Trợ cấp 05 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP	
	- Trợ cấp 04 tháng tiền lương hiện hưởng cho 15 năm đầu công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc	
	- Từ năm thứ 16 trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp 0,5 tháng tiền lương hiện hưởng	
	b. Có tuổi đời còn trên 05 năm đến đủ 10 năm đến tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP và có đủ thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc để được hưởng lương hưu theo quy định	-
	- Trợ cấp 04 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP	
	- Trợ cấp 04 tháng tiền lương hiện hưởng cho 15 năm đầu công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc	
	- Từ năm thứ 16 trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp 0,5 tháng	
	c. Có tuổi đời còn từ đủ 02 năm đến đủ 05 năm đến tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP và có đủ thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc để được hưởng lương hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, trong đó có đủ 15 năm trở lên làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	**290.628.000**
	- Trợ cấp 05 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP	189.540.000
	- Trợ cấp 04 tháng tiền lương hiện hưởng cho 15 năm đầu công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc	50.544.000
	- Từ năm thứ 16 trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp 0,5 tháng tiền lương hiện hưởng	50.544.000
	Tổng trợ cấp:	**694.980.000**